

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 200/2023/HS-ST

Ngày: 09/ 5/ 2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đình Vụ

2. Bà Đỗ Thị Sinh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Đình Tú - Thư ký TAND thành phố Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 09/ 5/ 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 213/ 2022/ HSST ngày 03/ 4/ 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 220/ QĐXXST- HS ngày 25/ 4/ 2023 đối với bị cáo:

Tô Văn N - Sinh năm 1989; Nơi đăng ký NKTT: Thôn 1, xã Q T, huyện Q X, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 07/12; Giới tính: N; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Tô Văn T và con bà: Lê Thị K (đã chết); Vợ: Tô Thị L – Sinh năm: 1992; Có 02 con (Con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012); Tiền án: Ngày 01/9/2016 bị TAND Huyện Quảng Xương xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 20/6/2018 bị TAND TP Thanh Hóa xử phạt 40 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 29/6/2018 bị TAND TP Sầm Sơn xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28/01/2023 đến ngày 31/01/2023 chuyển tạm giam. Hiện nay bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an TP Thanh Hóa.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại : Anh Phạm Huy H , sinh năm 1980 - Vắng mặt

Địa chỉ : Thôn Hợp Thành, xã T H, huyện ThT, tỉnh Thanh Hóa ;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan :

1. Anh Nguyễn Đức Q, sinh năm 1988 - Vắng mặt ;

Địa chỉ: Thôn Hiền Tây, xã Q L, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Trần Đình B, sinh năm 1977 – Vắng mặt ;

Địa chỉ: Thôn Hiền Đông, xã Q L, huyện Q X, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10h ngày 24/01/2023, Tô Văn N thuê taxi do anh Trần Đình B lái, đi từ nhà N ở xã QL, Q Xđi lên thành phố để tìm bạn chơi. Khi đi đến khu vực ngã tư đường tránh thuộc phường Quảng Thịnh, Thành phố Thanh Hóa, N nhớ ra người quen là anh Nguyễn Văn Nguyên (bạn tù trước đây của N), nên N bảo lái xe chờ ở ngoài và N đi bộ một mình vào trong khu phố hỏi tìm nhà bạn. Sau đó, N tìm thấy nhà bà Vương Thị Nguyệt (mẹ đẻ anh Nguyên) ở địa chỉ phố Thịnh Hùng, phường Quảng Thịnh, TP Thanh Hóa. Tại đây không có ai ở nhà, N đi vào trong phòng ngủ thì thấy có 1 chiếc điện thoại Samsung nhãn hiệu Note của anh Phạm Huy H (con rể bà Nguyệt) sinh năm 1980 trú tại xã T H, huyện Th T, tỉnh Thanh Hóa, đang sạc ở đây, lợi dụng việc không có ai trông coi nên N nảy sinh ý định trộm cắp. N đã lén lút trộm cắp chiếc điện thoại cất giấu trong người rồi đi ra ngoài lên xe taxi và yêu cầu anh B chở mình đến khu vực thành phố Sầm Sơn, mục đích để N để tìm nơi bán điện thoại nhưng không được. Khi đến xã Quảng Lưu, huyện Quảng Xương, N nhờ anh B gọi cho anh Nguyễn Đức Q, sinh năm 1988 ở thôn Hiền Tây, xã Quảng Lưu, huyện Quảng Xương, Thanh Hóa để bán điện thoại. N đã bán cho anh Q chiếc điện thoại với giá 1.200.000đ. Có tiền N trả tiền thuê taxi cho anh B 500.000đ, số tiền còn lại N tiêu xài cá nhân hết. Anh Hùng sau khi phát hiện mất điện thoại đã ra trình báo cơ quan Công an phường Quảng Thịnh. Đến 15h ngày 27/01/2023, N nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên đã đến Công an phường Quảng Thịnh đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Sau khi mua lại chiếc điện thoại từ Tô Văn N, anh Q đã tháo màn hình điện thoại đem bán cho người lạ, không rõ nhân thân lai lịch. Khi được cơ quan điều tra thông báo chiếc điện thoại trên do trộm cắp mà có, anh Q đã giao nộp lại phần còn lại của chiếc điện thoại là 01 ốp nhựa màu vàng và 01 bộ vi mạch chính. Khi mua anh Q không biết chiếc điện thoại do trộm cắp mà có.

Sau khi được Cơ quan điều tra thông báo số tiền 500.000đ mà Tô Văn N trả tiền thuê taxi là số tiền do N phạm tội mà có, anh Trần Đình B đã tự nguyện giao nộp lại cho Cơ quan điều tra. Anh B không biết việc N thực hiện hành vi trộm cắp.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐGTS ngày 30/01/2023 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: “01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Note 9, màn hình kính bị rạn vỡ, đã qua sử dụng trị giá 3.000.000đ (Ba triệu đồng)”.

Quá trình điều tra Tô Văn N đã thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra.

Về vật chứng và trách nhiệm dân sự của vụ án:

Ngày 15/2/2023, Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định hình ảnh đối với 01 tệp video có nội dung ghi lại hình ảnh N thực hiện hành vi trộm cắp tài sản do Công an phường Quảng Thịnh thu thập được. Tại bản Kết luận giám định số 935/KL-KTHS ngày 28/2/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thanh Hóa không phát hiện dấu hiệu chỉnh sửa, cắt ghép nội dung hình ảnh trong tệp video và trích xuất 04 ảnh từ tệp video gửi giám định được thể hiện trong Phụ lục kèm theo.

Đối với 01 ốp nhựa màu vàng loại ốp nhựa của điện thoại nhãn hiệu Samsung Note 9 đã qua sử dụng, 01 bộ vi mạch chính của điện thoại di động không có màn hình, lưng bị vỡ và số tiền 500.000đ, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Phạm Huy Hùng.

Về dân sự: Anh Phạm Huy Hùng đã nhận lại tài sản và không yêu cầu đề nghị gì về dân sự.

Anh Nguyễn Đức Q không yêu cầu bị cáo Tô Văn N phải trả lại khoản tiền 1.200.000đ anh đã mua điện thoại của Tô Văn N.

Anh Trần Đình B không yêu cầu Tô Văn N phải trả lại số tiền 500.000đ tiền Tô Văn N đi xe tắc xi mà B đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra.

Tại bản cáo trạng số 160/CTr -VKS ngày 03/4/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, đã truy tố bị cáo Tô Văn N về tội “ Trộm cắp tài sản” theo điểm g Khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng và đề nghị HĐXX:

Áp dụng:

Điểm g Khoản 2 Điều 173; Điểm s Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Mức hình phạt đại diện VKS đề nghị HĐXX áp dụng: Từ 30 đến 33 tháng tù.

Về phần dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự, nên công nhận phần dân sự đã được giải quyết xong.

Anh Q, anh B không yêu cầu gì, nên không xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 NQ 326/2016/UBTVQH14.

Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên:*

Quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi quyết định của người tiến hành tố tụng.

[2] *Về hành vi phạm tội:*

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Khoảng 10h ngày 24/01/2023, tại nhà bà Vương Thị Ng ở phố Thịnh Hùng, phường Quảng Thịnh, TP Thanh Hóa, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt một 01 chiếc điện thoại Samsung Note 9 đã qua sử dụng của anh Phạm Huy Hùng. Kết quả định giá chiếc điện thoại bị cáo chiếm đoạt có trị giá là 3.000.000 đồng.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của bị cáo đủ dấu hiệu cấu thành tội “ Trộm cắp tài sản ” theo quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự , với tình tiết định khung “ Tái phạm nguy hiểm”.

Vì vậy VKSND thành phố Thanh Hóa truy tố bị cáo Tô Văn N về tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] *Đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:*

Trong vụ án này, bị cáo lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu để chiếm đoạt tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an trong xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân và đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, nên cần xử lý nghiêm.

[4] *Đánh giá về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS của bị cáo:*

Về tình tiết tăng nặng: Không

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo; Đầu thú. Nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm s Khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] *Về hình phạt:*

Căn cứ vào nhân thân và tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì cần cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian, mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và có tính chất phòng ngừa chung.

[6] *Về trách nhiệm dân sự:*

Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự, nên công nhận phần dân sự đã được giải quyết xong.

Anh Nguyễn Đức Q không yêu cầu bị cáo Tô Văn N phải trả lại cho anh khoản tiền 1.200.000đ anh đã mua điện thoại của Tô Văn N. Anh Trần Đình B không yêu cầu Tô Văn N phải trả lại số tiền 500.000đ tiền Tô Văn N đi xe tắc xi mà B đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra. Xét thấy đây là sự tự nguyện và quyền định đoạt của anh Q và anh B. Nên HĐXX chấp nhận và không xem xét.

[7] *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Điểm a khoản 1 Điều 23 NQ 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điểm g Khoản 2 Điều 173; Điểm s Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điểm a Khoản 1 Điều 23 NQ 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên bố: Bị cáo Tô Văn N phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Tô Văn N 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/ 01/ 2023 (ngày tạm giữ).

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự, nên công nhận phần dân sự đã được giải quyết xong.

Anh Nguyễn Đức Q và anh Trần Đình B không có yêu cầu gì về phần dân sự, nên không xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại Điều 7a và Điều 9 luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo; Bị hại; người có qlnvq;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Thanh Hóa.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

1. Ông Nguyễn Đình Vụ
2. Bà Đỗ Thị Sinh

Lê Thị Hương

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo; Bị hại, người có qlnvq;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Thanh Hóa.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hương

